

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng 11 năm 2022 của Chủ tịch UBND huyện Yên Thế)

TT	Nội dung	ĐV tính	Năm 2021	Năm 2022		So sánh năm 2021	Ghi chú
				Kế hoạch	Thực hiện		
I	Việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn chế độ						
1	Văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Văn bản	1				
2	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc					
3	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Vụ					
4	Các kiến nghị thu hồi về vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	triệu đồng					
II	Công tác thẩm định quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí NSNN						
1	Thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN						
1.1	Dự toán lập sai đối tượng, tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng					
1.2	Tiết kiệm dự toán chi TX theo chỉ đạo của CP, của địa phương	triệu đồng	14.462		10.754,0	74,4	
1.3	Số vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng					
2	Sử dụng, thanh quyết toán NSNN						
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính		1162	0	1.008,0	86,7461	
-	Văn phòng phẩm	triệu đồng	131		123,6	94,3359	Tiết kiệm so dự toán, định mức, tiêu chuẩn được phê duyệt
-	Tiết kiệm điện	triệu đồng	79		96,8	122,468	
-	Công tác phí	triệu đồng	64		38,6	60,3125	
-	Tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng	221		265,2	120	
-	Chi tiếp khách, thành lập ngành	triệu đồng	196		237,4	121,102	
-	Mua sắm, TTB làm việc	triệu đồng	374		232,5	62,1658	
-	Tiết kiệm trong các hoạt động khác	triệu đồng	97		14,0	14,433	
2.2	Sửa chữa, mua sắm phương tiện đi lại	triệu đồng			-		
2.3	Tiết kiệm do thực hiện khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng	253		6,0	2,37154	
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình MTQG	triệu đồng			-		
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng			-		
2.6	Sử dụng, quyết toán NSNN sai chế độ				-		
-	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị	78	76	76,0	97,4359	
-	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN sai chế độ, lãng phí đã phát hiện	đơn vị			-		
-	Số tiền vi phạm	triệu đồng			-		
-	Số tiền thu hồi nợ NSNN	triệu đồng	266		113,9	42,8195	
III	Mua sắm, sử dụng phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức						
1	Phương tiện đi lại (ô tô, xe máy)						
1.1	Số lượng phương tiện hiện có	chiếc	10		10,0	100	
1.2	Số lượng phương tiện tăng do mua mới, điều chuyển	chiếc			1,0		
1.3	Số lượng phương tiện giảm do thanh lý, điều chuyển	chiếc			1,0		
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn	triệu đồng			-		
2	Tài sản khác						
2.1	Số lượng tài sản được thanh lý, điều chuyển, thu hồi				-		
2.2	Số lượng tài sản trang bị sai mục đích, sai đối tượng				-		
2.3	Xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng			-		
IV	Trong đầu tư, quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, công trình phúc lợi						
1	Trong đầu tư xây dựng						
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết cắt giảm				-		
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được						
-	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng	3.209		42.497,0	1324,31	Tiết kiệm so dự toán được phê duyệt
-	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh	triệu đồng	596		3.932,7	659,844	
-	Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng	1.526		-	0	
-	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng	1.280		783,4	61,2067	
2	Trụ sở làm việc						
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có	m2			483.397,9		
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do, xây dựng, nhận điều chuyển	m2			21.371,0		
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2			861,0		
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, tiêu chuẩn, chế độ	m2			-		
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	triệu đồng			-		

TT	Nội dung	ĐV tính	Năm 2021	Năm 2022		So sánh năm 2021	Ghi chú
				Kế hoạch	Thực hiện		
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng			10,8		
V	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên				-		
1	Quản lý, sử dụng đất				-		
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích (bỏ hoang, vi phạm PL)	m2			362,5		
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích (bỏ hoang, vi phạm PL) đã xử lý, thu hồi	m2			-		
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	275		679,0	246,909	
2	Quản lý, khai thác tài nguyên khác				-		
2.1	Số lượng vi phạm trong công tác quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên		10		4,0	40	
2.2	Số tiền xử lý vi phạm, xử phạt thu được	triệu đồng	43		645,0	1500	
3	Nội dung khác				-		
3.1	Số lượng vi phạm trong công tác bảo vệ môi trường	Vụ	16		2,0	12,5	
3.2	Số tiền xử lý vi phạm, xử phạt thu được	triệu đồng	25		6,5	26	
VI	Quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp				-		
VII	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP				-		
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai	cuộc	6		7	116,667	
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành	cuộc	6		7	116,667	
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP	CQ,TC,ĐV			-		
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có vi phạm về THTK, CLP	CQ,TC,ĐV			-		
5	Tổng giá trị tiền, tài sản, sử dụng sai chế độ phát hiện qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng			-		
6	Tổng giá trị tiền, tài sản vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng	459		744,1	162,113	